

Số: **769** /TY-DT

*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2010*

V/v: Phân bổ vắc xin Chương trình quốc gia KC và TT bệnh LMLM đợt I/2010

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh:  
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh:

Thực hiện Quyết định số: 1941 QĐ/BNN-TY ngày 30/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh lở mồm long móng (LMLM) giai đoạn 2008 – 2010.

Ngày 08/01/2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 49/QĐ-BNN-TY về việc phê duyệt Kế hoạch tiêm vắc xin LMLM trong Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh LMLM năm 2009.

Theo Quyết định số 1327/QĐ – BNN – TC ngày 18/05/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua vắc xin LMLM thực hiện Chương trình năm 2010, Cục Thú y phân bổ vắc xin LMLM đợt I/2010 và giao cho Công ty cung ứng theo các nội dung như sau:

Công ty thuốc thú y Trung ương (NAVETCO) cung ứng loại vắc xin LMLM tam giá type O, A, Asia 1 (AFTOVAX tam giá của hãng Merial) và vắc xin LMLM đơn giá type O (Aftopor đơn giá của hãng Merial).

Căn cứ vào số lượng vắc xin thuộc vùng khống chế và vùng đệm đã được phê duyệt trong Chương trình quốc gia khống chế bệnh LMLM năm 2010, Cục Thú y phân bổ vắc xin LMLM lần 1/2010 của các tỉnh, thành (theo danh sách đính kèm).

Để công tác tiêm phòng bệnh LMLM có hiệu quả, Cục Thú y đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo việc thực hiện Chương trình và kế hoạch phòng chống dịch của địa phương:

1. Bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bao gồm: kinh phí tổ chức tiêm phòng, chi phí tập huấn, tuyên truyền, trả công tiêm phòng, bảo hộ lao động, hoá chất tiêu độc khử trùng theo nội dung chương trình đã được phê duyệt tại Quyết định số: 1941 QĐ/BNN-TY ngày 30/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành liên quan và Chi cục Thú y tổ chức thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin theo mục tiêu, nội dung của Chương trình quốc gia theo quy định, hướng dẫn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thú y cụ thể như sau:

- Tiếp nhận số lượng vắc xin đã được Cục Thú y phân phối từ các Công ty cung ứng theo đúng chủng loại, quản lý, bảo quản và sử dụng vắc xin theo đúng quy định số 51/2006/QĐ-BNN ngày 16/6/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều kiện nhập khẩu, kinh doanh, phân phối. Cung ứng vắc xin

LMLM và thực hiện đầy đủ các thủ tục, chứng từ để thanh quyết toán theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính.

- Tổ chức việc tiêm phòng vắc xin theo Quyết định 38/2006/QĐ-BNN ngày 16/5/2006 về việc ban hành quy định phòng chống bệnh LMLM gia súc và theo hướng dẫn 752/TY-DT ngày 16/6/2006 về việc thực hiện Quy định phòng chống bệnh LMLM gia súc của Cục Thú y. Sử dụng vắc xin theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Đối với gia súc tiêm phòng lần đầu bắt buộc phải tiêm nhắc lại lần 2 sau 28 ngày, vắc xin tiêm nhắc lại lần 2 cùng loại với vắc xin lần thứ nhất, sau đó cứ 6 tháng tiêm nhắc lại để tạo miễn dịch khép kín. Kết quả tiêm phòng phải đạt tỷ lệ trên 80% so với tổng đàn.

- Việc tiêm phòng phải đúng kế hoạch, chiến lược phòng, chống dịch của địa phương và tiến hành theo dõi, giám sát sau tiêm phòng, sơ tổng kết, báo cáo kết quả.

- Tổ chức các hội nghị triển khai công tác tiêm phòng để cá nhân đơn vị thấy rõ sự quan tâm của Chính phủ, trách nhiệm trong việc tham gia công tác tiêm phòng vắc xin, đồng thời tổ chức tập huấn cho thú y viên, nhân viên thú y về bảo quản vắc xin, kỹ thuật tiêm phòng và ghi chép sổ gia súc tiêm phòng theo hướng dẫn số 1142/TY – DT ngày 9/8/2006 của Cục Thú y.

3. Đối với các tỉnh, thành phố không nằm trong vùng khống chế và vùng đệm của Chương trình quốc gia, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thú y lập kế hoạch, dự trù kinh phí tiêm phòng và kinh phí cho các biện pháp phòng chống dịch khác theo Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Thú y) về việc xây dựng kinh phí tiêm phòng cho gia súc ở vùng có nguy cơ cao, ổ dịch cũ theo kế hoạch đã được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt.

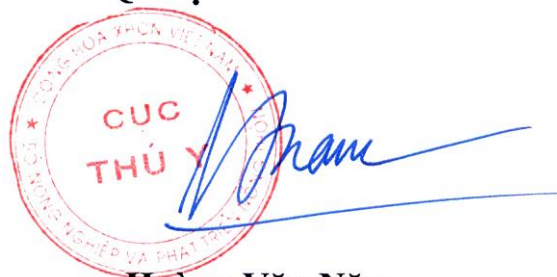
4. Về vắc xin tiêm phòng, để công tác phòng chống bệnh có hiệu quả đề nghị các địa phương khi mua vắc xin, nên chọn tốp vắc xin LMLM tiêm phòng phù hợp với tốp gây bệnh ở địa phương, như vắc xin : tốp O (chủng O Manisa); tốp A (chủng A Malaysia 97) tốp Asia 1(chủng Shamir), sử dụng kết quả đầu thầu của Cục Thú y trong Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh LMLM để tiêm phòng ở vùng đệm trong Chương trình và vùng ổ dịch cũ, vùng có nguy cơ cao cho các tỉnh không nằm trong Chương trình.

Trên đây, là những thông báo về vắc xin và công tác triển khai phòng chống dịch LMLM năm 2010, Cục Thú y đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các Chi cục thú y các tỉnh, thành nghiêm túc thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Các Cơ quan Thú y vùng;
- Chi cục Thú y tỉnh;
- Công ty thuốc thú y TW (NAVECO);
- Lưu:VT, DT.

**Q. CỤC TRƯỞNG**



**Hoàng Văn Năm**

**Phân bổ vắc xin thực hiện Chương trình quốc gia phòng,  
chống bệnh LMLM năm 2010**

Đơn vị cung ứng: Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y (NAVETCO)  
(Kèm theo Công văn số: 769/TY-DT ngày 20/5/2010 của Cục Thú y)

<b>I. Vùng không chế</b>				
<b>TT</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>Trâu bò</b>	<b>Tồn năm 2009</b>	<b>Cấp đợt I/2010</b>
		<b>Týp O (liều)</b>	<b>Týp O (liều)</b>	<b>Týp O (liều)</b>
1	Ninh Bình	26.729	0	26.729
2	Thanh Hoá	73.448	0	73.448
3	Nghệ An	185.404	26.200	159.204
4	Hà Tĩnh	87.868	9.205	78.663
	<b>Tổng cộng</b>	<b>373.449</b>	<b>35.405</b>	<b>338.044</b>

<b>TT</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>Lợn</b>	<b>Tồn năm 2009</b>	<b>Cấp đợt I/2010</b>
		<b>Týp O (liều)</b>	<b>Týp O (liều)</b>	<b>Týp O (liều)</b>
1	Sơn La	17689	0	17689
2	Ninh Bình	5632	0	5632
3	Thanh Hoá	8764	0	8764
4	Nghệ An	18904	0	18904
5	Hà Tĩnh	6799	0	6799
6	Quảng Bình	8300	0	8300
7	Quảng Trị	2070	4140	-2070
8	Thừa Thiên Huế	1404	0	1404
9	Điện Biên	12610	2263	10347
10	Lai Châu	7496	0	7496
11	Lào Cai	15986	0	15986
12	Hà Giang	18872	5.575	13.297
13	Cao Bằng	14601	15075	- 474
14	Lạng Sơn	13535	1.950	11.585
15	Quảng Ninh	9368	0	9.368
16	Quảng Nam	5873	5873	5873
17	Kontum	12095	0	12095
18	Gia Lai	35202	0	35202
19	Đắk Lắk	58990	5775	53215
20	Đắk Nông	15032	0	15032
21	Lâm Đồng	31248	27500	3748
22	Bình Phước	6300	0	6300
23	Tây Ninh	8652	8775	-123

TT	Tỉnh	Lợn	Tồn năm 2009	Cấp đợt I/2010
		Týp O (liều)	Týp O (liều)	Týp O (liều)
24	Long An	4623	0	4623
25	Đồng Tháp	5113	0	5113
26	An Giang	5478	0	5478
27	Kiên Giang	2851	0	2851
	<b>Tổng cộng</b>	<b>353.487</b>	<b>76.926</b>	<b>285.101</b>

## II. Vùng đệm

TT	Tỉnh	Trâu bò	Tồn năm 2009	Cấp đợt I/2010
		Týp O (liều)	Týp O (liều)	Týp O (liều)
1	Hà Tĩnh	203708	0	101854
2	Hoà Bình	110600	0	55300
3	Thái Nguyên	51162	0	25581
4	Bắc Kạn	58810	10250	19155
	<b>Tổng cộng</b>	<b>424.280</b>	<b>10.250</b>	<b>201.890</b>
TT	Tỉnh	Lợn	Tồn năm 2009	Cấp đợt I/2010
		Týp O (liều)	Týp O (liều)	Týp O (liều)
1	Đà Nẵng	5927	0	2964
2	Quảng Nam	30843	0	15422
3	Quảng Ngãi	44977	3180	19309
4	Bình Định	52116	29695	-3637
5	Phú Yên	19368	1100	8584
6	Khánh Hoà	10241	9825	-4705
7	Ninh Thuận	8047	0	4024
8	Bình Thuận	24072	0	12036
9	Thừa Thiên Huế	24553	0	12277
10	Quảng Trị	5240	5240	-2620
11	Quảng Bình	24960	0	12480
12	Hà Tĩnh	32965	0	16483
13	Hoà Bình	18540	0	9270
14	Thái Nguyên	6504	0	6504
15	Bắc Giang	46413	0	23207
16	Bắc Kạn	4740	0	2370
17	Yên Bái	15966	0	7983
18	Tuyên Quang	10247	0	5124
	<b>Cộng</b>	<b>385.719</b>	<b>49.040</b>	<b>158.037</b>

**Phân bổ vắc xin thực hiện Chương trình quốc gia phòng,  
chống bệnh LMLM năm 2010**

Đơn vị cung ứng: Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y (NAVETCO)

(Kèm theo Công văn số: 769/TY-DT ngày 20/5/2010 của Cục Thú y)

**I. Vùng Không chế**

TT	Tỉnh	Trâu bò	Tồn năm 2009	Cấp đợt I/2010
		Týp O, A, Asia1 (liều)	Týp O, A, Asia1 (liều)	Týp O, A, Asia1 (liều)
1	Bình Phước	26000	0	26000
2	Tây Ninh	62681	16100	46581
3	Long An	15971	0	15971
4	Đồng Tháp	8868	4800	4068
5	An Giang	47356	9375	37981
6	Kiên Giang	8270	0	8270
1	Quảng Bình	70823	0	70823
2	Quảng Trị	33500	8400	25100
3	Thừa Thiên Huế	11441	1325	10116
4	Quảng Nam	28042	0	28042
5	Kontum	81956	0	81956
6	Gia Lai	283869	4425	279444
7	Đắk Lắk	160755	2250	158505
8	Đắk Nông	20684	0	20684
9	Lâm Đồng	97397	76669	20728
10	Quảng Ninh	35999	0	35.999
11	Lạng Sơn	105393	46075	59318
12	Cao Bằng	137125	42250	94875
13	Hà Giang	142088	0	142088
14	Lào Cai	61935	0	61935
15	Sơn La	241354	0	120677
<b>Tổng</b>		<b>1.681.507</b>	<b>211.669</b>	<b>1.349.161</b>

## II. Vùng Đệm

TT	Tỉnh	Trâu bò	Tồn năm 2009	Cấp đợt I/2010
		Týp O, A, Asia1 (liều)	Týp O, A, Asia1 (liều)	Týp O, A, Asia1 (liều)
1	Bắc Giang	100857	0	50429
2	Tuyên Quang	62.576	0	31288
3	Yên Bái	91454	0	45727
4	Quảng Bình	97618	11500	37309
5	Thừa Thiên Huế	40391	7750	12446
6	Đà Nẵng	13493	0	6747
7	Quảng Nam	107418	0	53709
8	Quảng Ngãi	110675	17795	105338
9	Bình Định	222956	48110	103078
10	Phú Yên	208460	67190	102905
11	Khánh Hoà	74201	11775	37101
12	Ninh Thuận	95260	0	47630
13	Bình Thuận	163327	0	77239
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.268.067</b>	<b>164.120</b>	<b>710.946</b>

**Phân bổ vắc xin thuộc Chương trình quốc gia phòng chống bệnh LMLM năm 2010  
do Công ty Dược và Vật tư thú y (HANVET) cấp đợt I/2010**  
(Kèm theo Công văn số **769** /TY-DT ban hành ngày 20/5/2010 của Cục Thú y)

**I. Vùng Không chế**

TT	Tỉnh	Trâu bò	Tồn năm 2009	Cấp đợt I/2010 Týp O, Asia1 (liều)
		Týp O, Asia1 (liều)	Týp O, Asia1 (liều)	
1	Lai Châu	46.685	0	46.685
2	Điện Biên	88.800	4.950	83.850
<b>Tổng</b>		<b>135.485</b>	<b>4.950</b>	<b>130.535</b>